



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam

Ngày 31/03/2025	38,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-1.7%

DT thuần Q1/25
482
tỷ VNĐ
QoQ: ▼34.0 -6.5%
YoY: ▲ 131 37.5%

LN thuần Q1/25
70.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.50 -3.4%
YoY: ▲ 7.60 12.2%

LN sau thuế Q1/25
56.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.90 1.7%
YoY: ▲ 6.30 12.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
14.8%
YoY: +/-▲ 0.5%

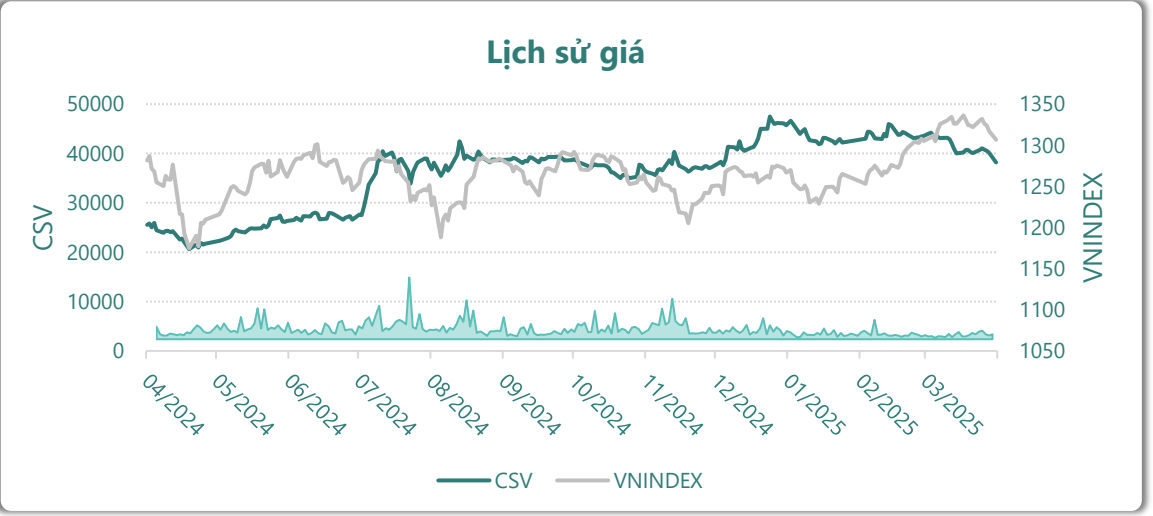
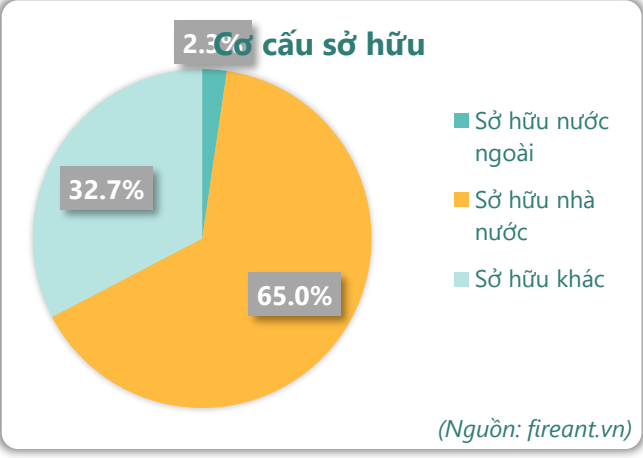
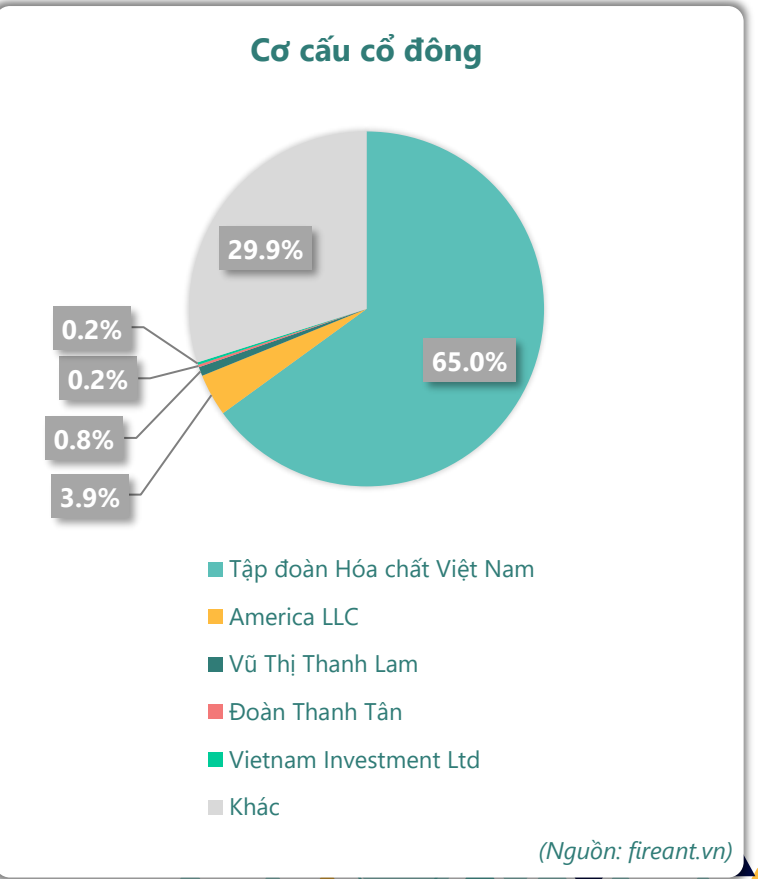
ROE (TTM) Q1/25
15.9%
YoY: +/-▼ 0.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	20,625 - 47,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,221
Số lượng CPLH (CP)	110,499,910
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,279,935
Sở hữu nước ngoài	2.3%
Beta	1.39
EPS	2,209
P/E	17.3

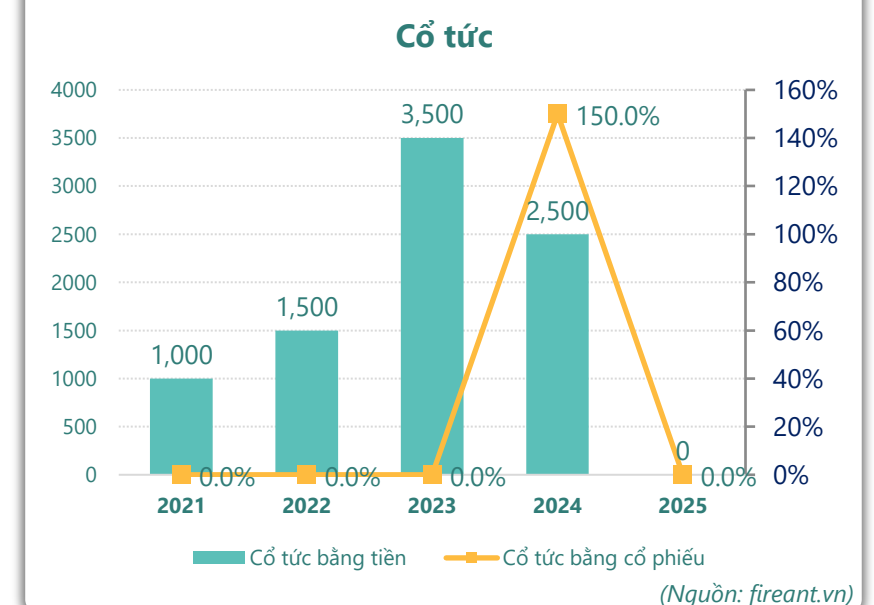
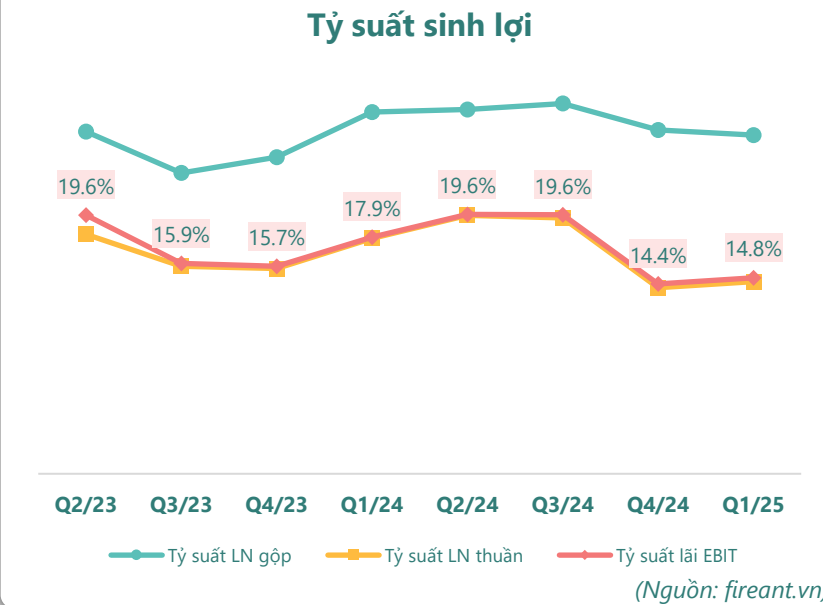
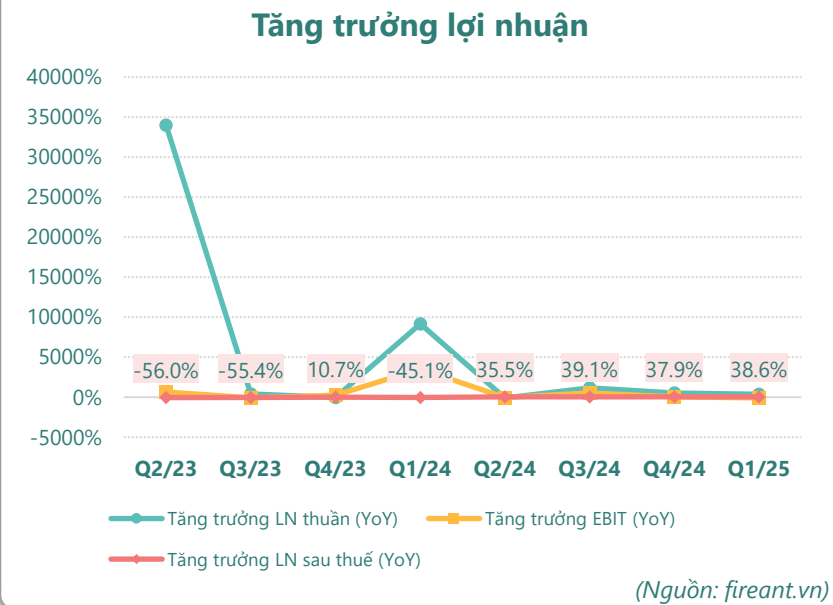
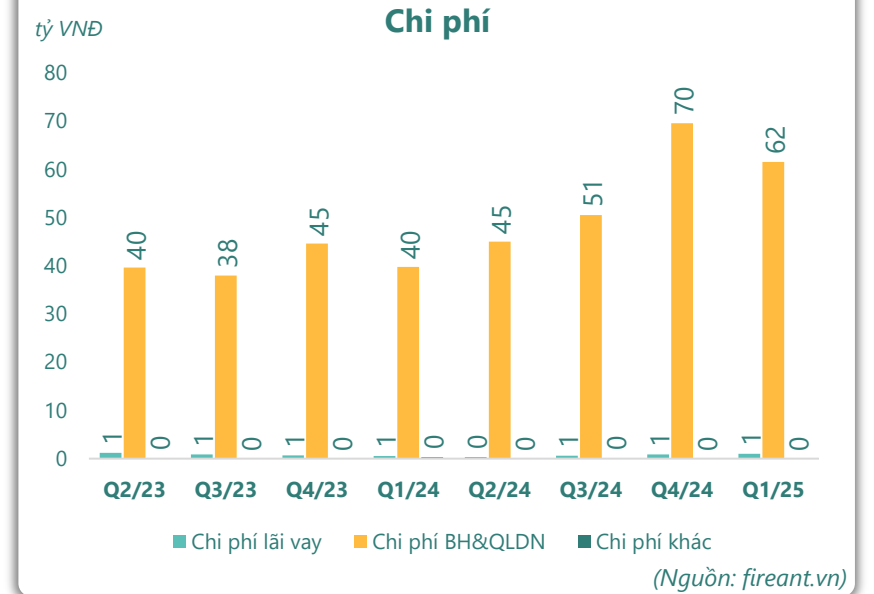
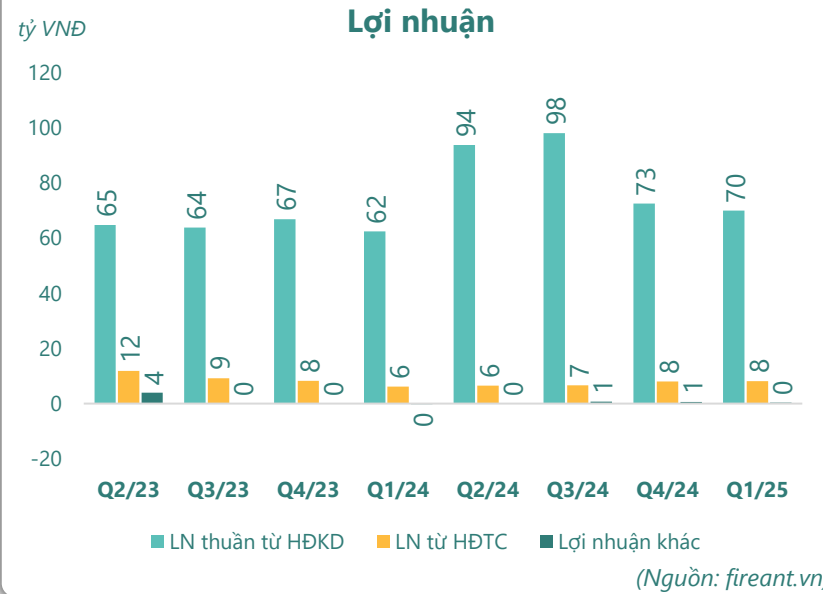
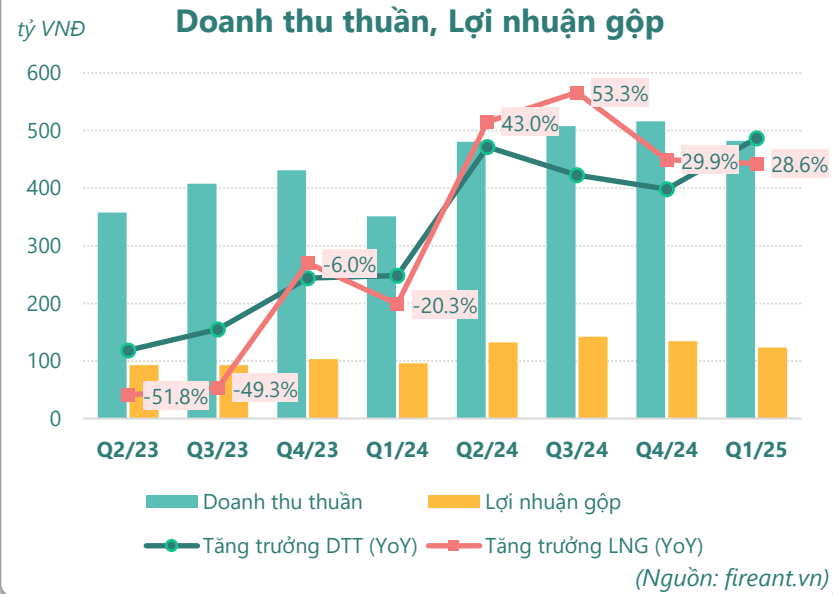
DT thuần 2024
1,856
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 268 16.8%

LN thuần 2024
327
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 42.0 14.9%

LN sau thuế 2024
258
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.0 12.0%



KẾT QUẢ KINH DOANH



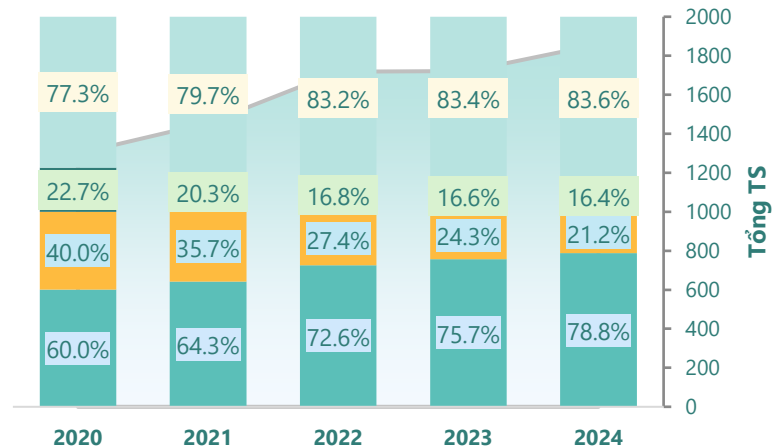


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

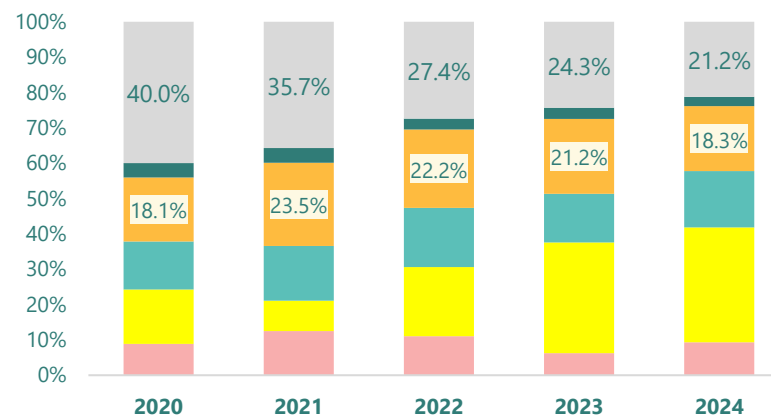
Tổng TS



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

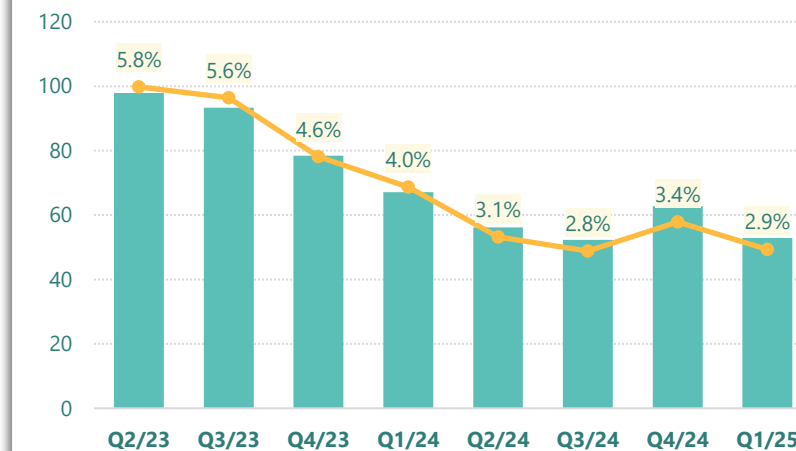


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

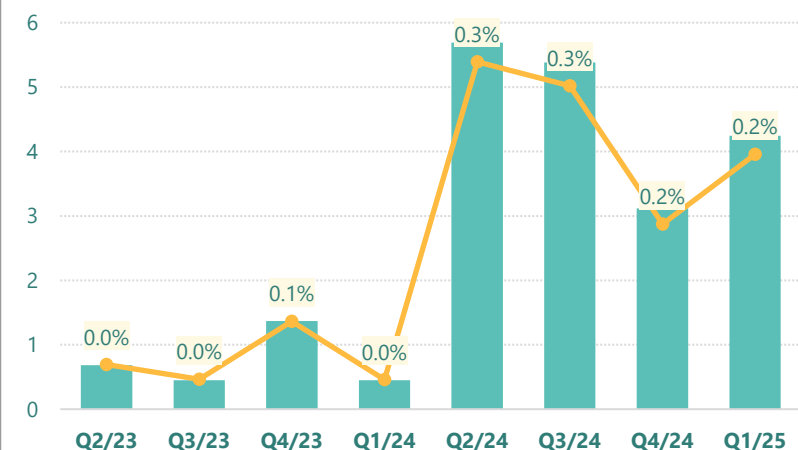


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

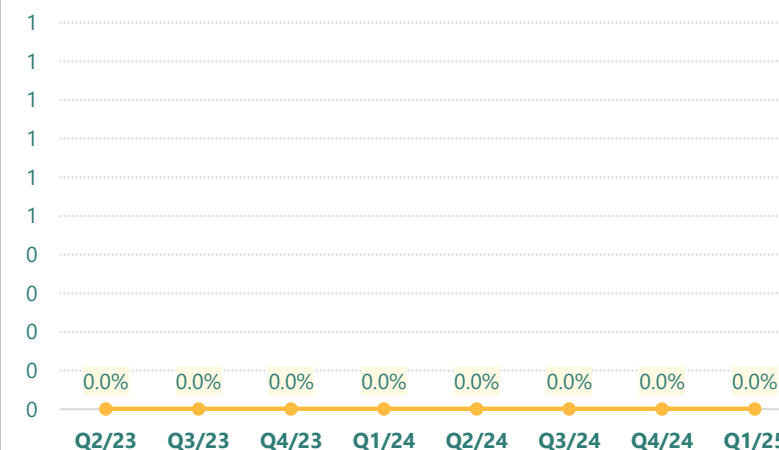


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

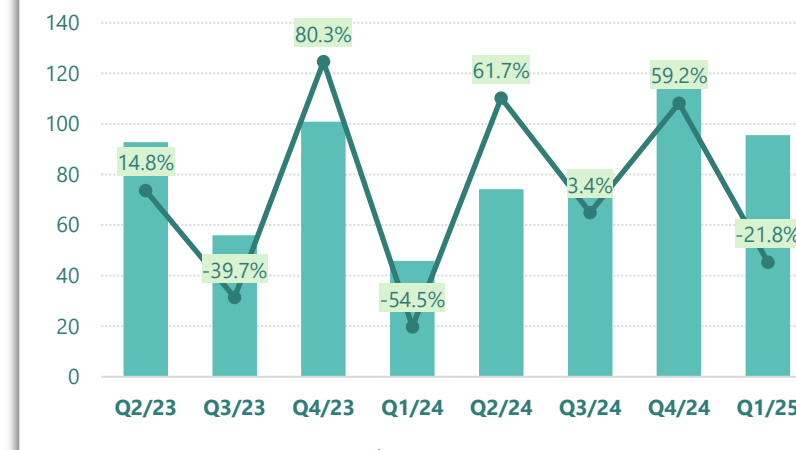


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

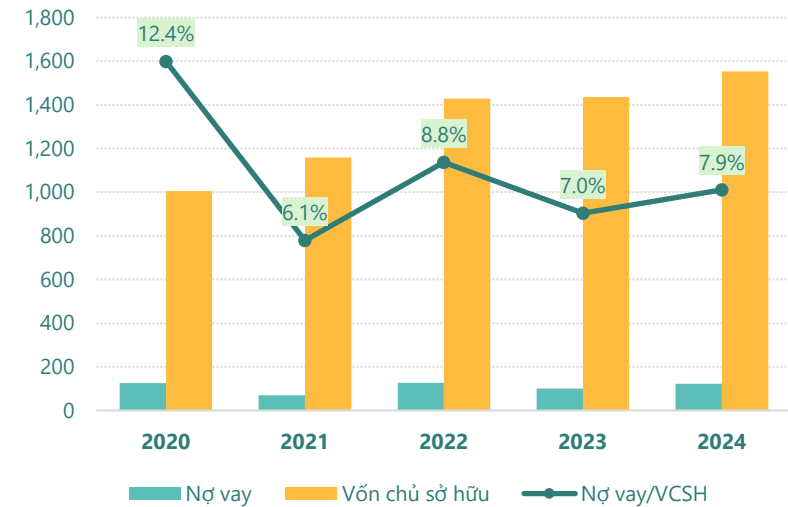
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

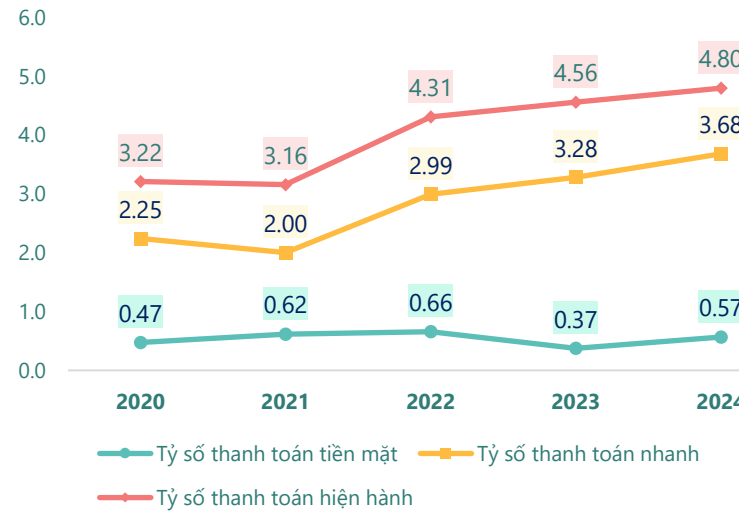
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



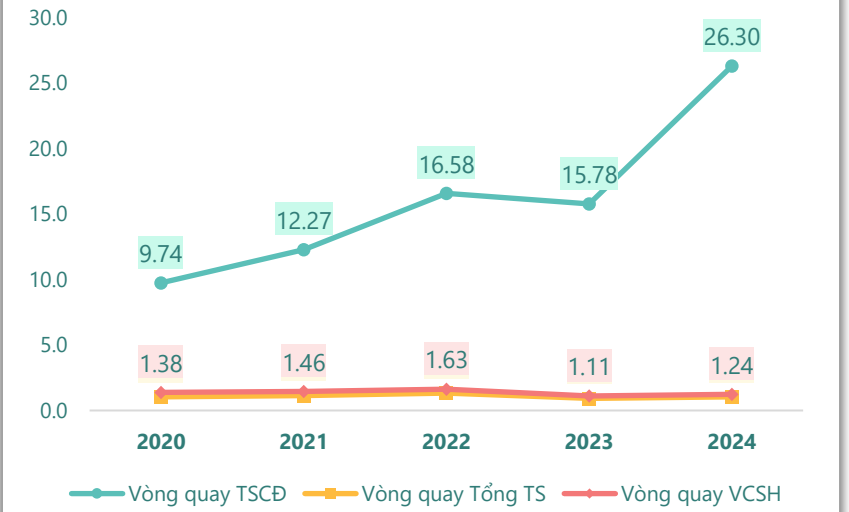
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



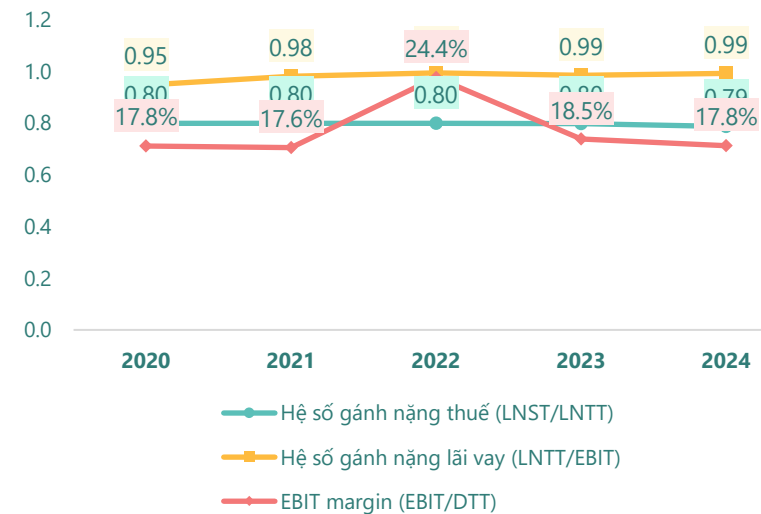
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



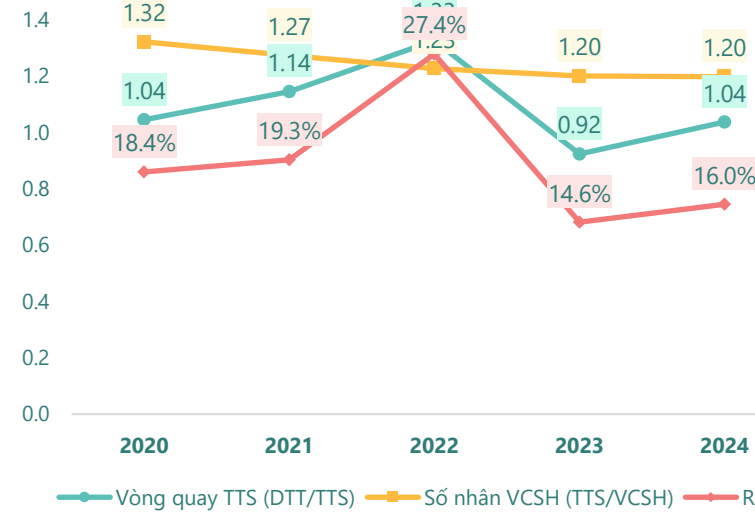
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



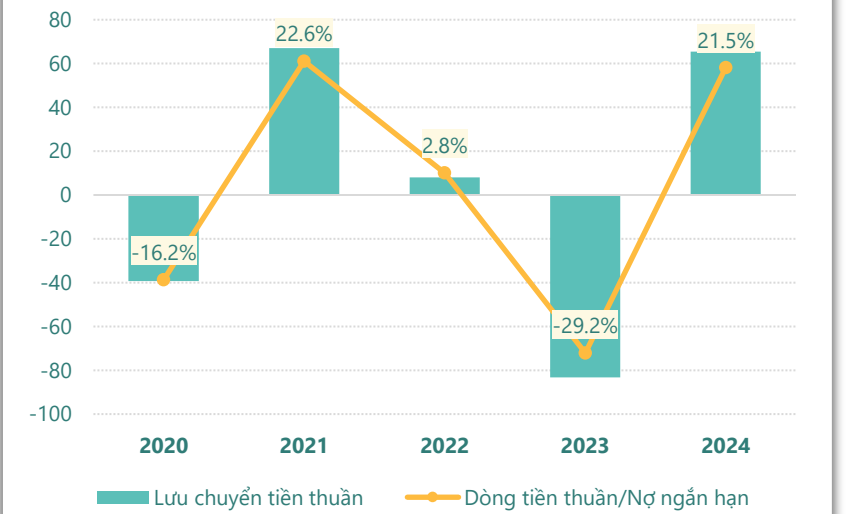
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	482	351	37.5%	1,856	1,588	16.8%
Giá vốn hàng bán	359	255	40.8%	1,351	1,179	14.5%
Lợi nhuận gộp	124	96.1	28.6%	505	409	23.4%
Doanh thu HĐTC	9.55	6.75	41.5%	30.1	40.5	-25.6%
Chi phí TC	1.43	0.58	147%	2.86	4.83	-40.7%
Chi phí lãi vay	1.01	0.57	78.0%	2.38	4.25	-44.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	34.7	21.5	61.3%	111	82.7	34.8%
Chi phí QLDN	26.9	18.3	46.8%	93.4	77.4	20.7%
LN thuần từ HĐKD	70.1	62.5	12.2%	327	285	14.9%
Lợi nhuận khác	0.40	-0.20	302%	1.06	4.12	-74.2%
LN trước thuế	70.5	62.3	13.2%	328	289	13.7%
Lợi nhuận sau thuế	56.0	49.7	12.7%	258	231	12.0%
LNST của CĐ cty mẹ	52.4	46.7	12.2%	239	209	14.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.48	17.0	54.4	115	49.8	28.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-65.1	3.17	-1.33	-51.5	-21.4	-78.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	44.7	-55.0	17.7	-41.6	-20.9	-17.5
Tiền đầu kỳ	120	107	72.2	143	165	173
Lưu chuyển tiền thuần	-12.8	-34.8	70.8	22.0	7.54	-66.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.00	0.03	-0.06	0.09	0.00
Tiền cuối kỳ	107	72.2	143	165	173	106

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,840	1,859	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	1,456	1,464	-0.5%
Tiền và tương đương tiền	106	173	-38.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	677	605	11.9%
Phải thu ngắn hạn	315	296	6.4%
Hàng tồn kho	302	341	-11.3%
Tài sản ngắn hạn khác	56.1	49.5	13.4%
Tài sản dài hạn	384	395	-2.9%
Phải thu dài hạn	0.40	0.43	-5.6%
Tài sản cố định	52.9	62.7	-15.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.25	3.12	36.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	326	329	-0.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	249	305	-18.4%
Nợ ngắn hạn	249	305	-18.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	95.6	122	-21.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	41.6	33.4	24.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,591	1,554	2.4%
Vốn chủ sở hữu	1,591	1,554	2.4%
Vốn điều lệ	1,105	1,105	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

